

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23- 08 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đào Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đặng Văn Bộ và ông Nguyễn Văn Thiện.

- Thư ký phiên tòa: ông Đỗ Ngọc Nhận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Doãn Thị Luyện – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 08 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 04 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 07 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đỗ Thị V, sinh năm 1998. Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991. Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/04/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 01/04/2014, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau nên thường xuyên cãi cọ, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vẫn không thể hàn gắn được tình cảm. Do không chịu đựng được, nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ cuối năm 2018, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến

nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: chị Đỗ Thị V khai, chị và anh Nguyễn Văn H có một con chung, cháu tên là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 04/09/2014. Cuối năm 2018, chị bỏ về nhà bố mẹ để có dẫn theo cháu C đi cùng, nên từ đó đến nay cháu C ở với chị. Thời gian cháu C ở với chị, anh H không quan tâm. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị Đỗ Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ, triệu tập anh Nguyễn Văn H đến Toà án để viết bản khai, nhưng anh H đã không có mặt mà không có lý do, nên không có bản khai của anh H.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Đỗ Thị V đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn H và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Mạnh C, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, hôn nhân của chị V và anh H là hôn nhân trái pháp luật, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị V mới được 16 tuổi 01 ngày, vi phạm khoản 1 Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Mặc dù chị V chưa đủ tuổi kết hôn, nhưng cũng đã có thời gian chung sống hạnh phúc và đã có 01 con với anh H. Nay chị V làm đơn yêu cầu được ly hôn, đến thời điểm Tòa án thụ lý vụ án thì chị V đã đủ tuổi kết hôn, nên Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại điểm d.1 Điều 2 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Chị V và anh H không còn quan tâm đến nhau, nên việc xin ly hôn và nuôi con chung của chị V là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm d.1 Điều 2 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử cho ly hôn giữa chị V và anh H. Giao cháu C cho chị V nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: anh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, nhưng không có mặt mà không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Anh H cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do, chị V vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội

đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị V và anh H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: chị Đỗ Thị V khai, chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 01/04/2014, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Chị V cũng xuất trình cho Tòa án một giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã H cấp ngày 01/04/2014, trong đó xác định anh Nguyễn Văn H là chồng chị Đỗ Thị V. Đối chiếu các tài liệu, chứng cứ do chị V cung cấp cho Tòa án như: bản sao chứng thực giấy Chứng minh nhân dân, bản sao chứng thực Sổ hộ khẩu gia đình và bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, đều thể hiện chị V sinh ngày 29/03/1998. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị V mới 16 tuổi 02 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn, thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật, vi phạm khoản 1 Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh H là không hợp pháp. Tuy nhiên, theo lời khai của chị V cũng như kết quả xác minh ngày 25/05/2021 tại Ủy ban nhân dân xã H, giữa chị V và anh H phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018, trước khi phát sinh mâu thuẫn thì hai bên chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có con, tính đến thời điểm phát sinh mâu thuẫn thì cả hai bên đã đến tuổi kết hôn, nên Hội đồng xét xử không quyết định hủy kết hôn trái pháp luật. Chị V yêu cầu giải quyết ly hôn, nên Tòa án thụ lý vụ án và giải quyết ly hôn theo thủ tục chung, phù hợp với điểm d.1 tiểu mục d mục 2 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về “hướng dẫn áp dụng một số quy định của luật Hôn nhân và gia đình năm 2000”

Cũng theo chị V khai, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau nên thường xuyên cãi cọ, mắng chửi nhau, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Theo kết quả xác minh ngày 25/05/2021, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, quá trình chung sống đến năm 2018 thì hai bên đã xảy ra cãi cọ vì nghi ngờ lẫn nhau về việc ngoại tình, dẫn đến việc anh H đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2018 đến nay. Như vậy, một thời gian dài không chung sống và quan tâm đến nhau, chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa chị V và anh H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, giải quyết cho chị V và anh H ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: chị Đỗ Thị V khai, chị và anh Nguyễn Văn H có một con chung, cháu tên là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 04/09/2014. Chị V cũng xuất trình cho Tòa án bản sao chứng thực Giấy khai sinh của cháu C, trong đó xác định cháu C là con chung của chị V và anh H. Mặt khác, cháu C được sinh ra sau thời điểm chị V và anh H đăng ký kết hôn, nên đủ cơ sở khẳng định cháu C là con chung của chị V và anh H. Từ năm 2018 đến nay, cháu C do chị V nuôi dưỡng, tránh xáo trộn về tâm sinh lý, nên giao cháu C cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị V về việc không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung: chị Đỗ Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: chị Đỗ Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị V và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: công nhận cháu Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 04/09/2014 là con chung của chị Đỗ Thị V và anh Nguyễn Văn H. Giao cháu C cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị V về việc không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị V.

3. Về án phí: chị Đỗ Thị V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị V đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0009338 ngày 13/04/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị V đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: chị Đỗ Thị V và anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Văn Nam